

Bản án số: 268/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 21-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Võ Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm: 1999; địa chỉ: 933/4B đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Liêu Thanh T, sinh năm: 1994; địa chỉ: 195 đường B, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, bản tự khai ngày 19/01/2021 nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc B trình bày: bà và ông Liêu Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2018 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận F cấp ngày 21/3/2018. Khi về chung sống với nhau thì vợ chồng bà sống tại nhà trọ mà gia đình của ông T thuê ở tại địa chỉ đường B, Phường M, Quận F. Trong thời gian sống chung thì ông T có biểu hiện nghiện ma túy, có khi còn đánh bà. Bà chỉ sống tại đây vài tháng sau đó bà chuyển về sống tại nhà mẹ ruột của bà vì bà sinh con. Ông T vẫn sống tại nhà thuê, thỉnh thoảng thì ông T có đến thăm mẹ con bà và đôi khi có đưa tiền cho bà để mua sữa cho con. Từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng sống ly thân với nhau, khi ông T đến thăm con thì có thái độ bất kính với mẹ của bà ngoài ra bà còn phát hiện ông T nhắn tin tình cảm trai gái với người

phụ nữ khác. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: bà và ông Liêu Thanh T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Liêu Bích T, sinh ngày: 23/01/2018 bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Bích T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 24/5/2021 bị đơn ông Liêu Thanh T trình bày: Ông và bà B kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận F. Vợ chồng ông thuê nhà trọ sống tại địa chỉ đường B, Phường M, Quận F. Sau khi bà B sinh con thì bà B chuyển về nhà cha mẹ ruột sống. Năm 2019 ông phát hiện bà B có người đàn ông khác nên vợ chồng không sống chung với nhau nữa. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: ông và bà B có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Liêu Bích T, ông đồng ý giao trẻ T cho bà B nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Đỗ Thị Ngọc B và ông Liêu Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà B và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong thời gian sống chung bà B và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 9/2019 đến nay thì bà B và ông T đã sống ly thân với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà B và ông T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông T cũng đồng ý ly hôn. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà B được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao trẻ Liêu Bích T, sinh ngày: 23/01/2018 cho bà B nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà B và ông T khai không có nên không đề cập giải quyết. Về án phí: bà B phải nộp án phí là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đỗ Thị B có đơn yêu cầu ly hôn với ông Liêu Thanh T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc B và bị đơn ông Liêu Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà Đỗ Thị Ngọc B thì sau khi kết hôn hai vợ chồng bà không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra bà còn phát hiện ông T nhắn tin tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2019 thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Ông Liêu Thanh T cho rằng từ năm 2019 thì phát hiện bà B có người đàn ông khác nên vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay cả ông T và bà B đều thuận tình ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng bà B và ông T không có sự chung thủy, tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Ngọc B và ông Liêu Thanh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bị đơn ông Liêu Thanh T cũng đồng ý ly hôn với bà B. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Đỗ Thị Ngọc B được ly hôn với ông Liêu Thanh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà B và ông T xác nhận có 01 (một) con chung là trẻ Liêu Bích T, sinh ngày: 23/01/2018. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T. Ông Liêu Thanh T cũng đồng ý giao trẻ T cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Liêu Bích T cho bà Đỗ Thị Ngọc B nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Ngọc B không yêu cầu ông Liêu Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Thị Ngọc B nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Ngọc B được ly hôn với ông Liêu Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2018 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận F cấp ngày 21/3/2018 cho bà Đỗ Thị Ngọc B và ông Liêu Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: - Giao trẻ Liêu Bích T, sinh ngày: 23/01/2018 cho bà Đỗ Thị Ngọc B nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Ngọc B không yêu cầu ông Liêu Thanh T cấp dưỡng nuôi con

Bà Đỗ Thị Ngọc B có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Liêu Thanh T đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nên không giải quyết

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Thị Ngọc B nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010916 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: bà Đỗ Thị Ngọc B và ông Liêu Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân P11, Q6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhân